TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 669/2024/DS-PT
Ngày 22 - 8 - 2024
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phan Tô Ngọc

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngụy Tiến Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Ry- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 364/2024/TLPT-DS ngày 17 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1004/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1948. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: khóm A, phường A1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị H: Anh Hồ Thanh H, sinh năm 1983. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1/. Ông Đào Văn L, sinh năm 1962.

Đăng ký hộ khẩu: khóm A, phường A1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Hiện tạm trú: Ấp T, phường B, Thành phố B1, tỉnh Ratanakiri, Vương quốc Campuchia.

2/. Bà Đào Thị Ch, sinh năm 1963. (có mặt)

3/. Bà Đào Thị K, sinh năm 1973. (vắng mặt)

4/. Ông Đào Văn H, sinh năm 1974. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: khóm A, phường A1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Huỳnh Thị H1, sinh năm 1968. (có mặt)

Địa chỉ: khóm A, phường A1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Ngân hàng A – Chi nhánh thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở chính: đường L, phường Th, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn Ph, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A – Chi nhánh thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (Theo Quyết định số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Ngân hàng Ngân hàng A về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án). (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ Chi nhánh: Khóm 4, phường A1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2/. Bà Huỳnh Thị H1, sinh năm 1968. (có mặt)

3/. Anh Đào Văn Q, sinh năm 1992.

Đăng ký hộ khẩu: khóm A2, phường A1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Hiện tạm trú: Ấp T, phường B, Thành phố B1, tỉnh Ratanakiri, Vương quốc Campuchia.

4/. Anh Đào Văn Th, sinh năm 1994. (vắng mặt)

5/. Chị Đào Xuân L, sinh năm 1995. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: khóm A2, phường A1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

6/. Bà Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm 1986. (vắng mặt)

Đăng ký hộ khẩu: ấp L, xã Thông Bình, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú tại: khóm A2, phường A1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

7/. Cháu Đào Huỳnh Th, sinh năm 2009. (vắng mặt)

8/. Cháu Đào Minh Kh, sinh năm 2012. (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Đào Huỳnh Th và Đào Minh Kh là ông Đào Văn H, sinh năm 1974. (vắng mặt)

9/. Anh Phan Văn H, sinh năm 1997; Hiện đang Xuất khẩu lao động tại Nhật Bản.

10/. Anh Phan Văn A, sinh năm 1997. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: khóm A2, phường A1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

11/. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Hiếu, chức vụ: Chi cục trưởng. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: khóm A1 A, phường A1, thành phố H, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. .

12/. Ông Phạm Văn Tr, sinh năm 1941.

Địa chỉ cư trú: khóm A2, phường A1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ tạm trú: ấp S, xã P, huyện K, tỉnh Prey Veng, Vương quốc Campuchia.

- Người kháng cáo: Bà Trần Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị H có người đại diện theo ủy quyền là ông Hồ Thanh Hồ trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Trần Thị H, sử dụng vào năm 1978 có diện tích 216,9m^2. Bà Hía cùng chồng là ông Phạm Văn Tr cất nhà ở, căn nhà có kết cấu nhà sàn, lợp ngói, gỗ căm xe có chiều ngang 7m5 chiều dài 16m. Do đất cất nhà ở giáp kinh H - V nên không được kê khai đăng ký quyền sử dụng đất.

Năm 1997 bà H có vay tiền và nợ Ngân hàng A – Chi nhánh thị xã H (nay là Thành phố H) số tiền gốc, lãi là 43.546.000 đồng và có thế chấp căn nhà nói trên cho Ngân hàng, không thế chấp quyền sử dụng đất (nền nhà). Do kinh tế khó khăn nên bà H không có tiền trả nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H trả nợ.

Tại Quyết định công nhận hòa giải thành số 34/DSST ngày 16/6/1997 của Tòa án nhân dân huyện H (nay là Thành phố H) thì bà H thống nhất trả cho Ngân hàng số tiền 43.546.000 đồng. Ngày 15/9/1998 Ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp là căn nhà của bà H đã thế chấp cho Ngân hàng.

Giai đoạn thi hành án, hồ sơ được Đội thi hành án dân sự huyện H thụ lý, Đội thi hành án mời ông Đ mua tài sản, nhưng sau đó Ngân hàng rút đơn, Đội thi hành án đình chỉ thi hành, bà H tiếp tục đồng ý để cho Ngân hàng phát mãi, bán nhà của bà H, còn bán cho ai thì bà không biết, vì sau bà giao nhà cho Ngân hàng thì bà sang Campuchia làm ăn, sau này bà H mới biết căn nhà của bà bán cho ông Đào Văn L với giá là 40.000.000 đồng.

Do bà H chỉ thế chấp căn nhà để vay tiền và Ngân hàng chỉ phát mãi căn nhà và ông L chỉ mua căn nhà, còn quyền sử dụng đất vẫn thuộc về bà Trần Thị H và bà H đã nhiều lần yêu cầu ông L di dời nhà trả lại đất nhưng ông L không đồng ý.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu như sau:

1/. Yêu cầu ông Đào Văn L, Đào Văn H và bà Đào Thị K có trách nhiệm di dời căn nhà và tài sản khác gắn liền với đất đi chỗ khác, trả lại cho bà H phần đất (theo sơ đồ đo đạc thực tế của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất thành phố H) diện tích 164,6m^2 trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4 trở lại M1, thuộc thửa 110 tờ bản đồ số 61, đất tọa lạc tại khóm A, phường A1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2/. Yêu cầu bà Đào Thị Ch di dời căn nhà và tài sản khác gắn liền với đất đi chỗ khác, trả lại cho bà phần đất (theo sơ đồ đo đạc thực tế của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất thành phố H) diện tích 52,3m^2 trong phạm vi các mốc từ mốc M3, M4, M5, M6 trở về M3, thuộc thửa 01, tờ bản đồ số 61, đất tọa lạc tại khóm A, phường A1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3/. Công nhận quyền sử dụng đất cho Trần Thị H với tổng diện tích là 216,9m^2 (trong đó 164,6m^2 tại thuộc thửa 110 tờ bản đồ số 61 và diện tích 52,3m^2 thuộc một phần thửa 01, tờ bản đồ số 61).

Bị đơn ông Đào Văn L có người đại diện là bà Huỳnh Thị H1 trình bày:

Không thống nhất theo yêu cầu của bà H. Vì nguồn gốc đất của Đào Văn L mua vào ngày 15/9/1998 do Ngân hàng A huyện H (nay là Thành phố H) phát mãi tài sản thế chấp cầm cố. Việc mua bán thể hiện qua biên bản phát mãi tài sản thế chấp cầm cố ngày 15/9/1998, theo đó ông L mua phần tài sản gồm nhà gỗ, lợp ngói và đất có diện tích là ngang 8m dài 21m (đất chưa có giấy chứng quyền sử dụng đất) trong nội dung tờ mua bán có phần ghi chú nội dung nền ngang 8m, dài 21m thuộc quyền sử dụng bên mua; nếu nhà nước có yêu cầu di dời thì bên mua phải chấp hành và tài sản phát mãi này là của Phạm Văn Tr và Trần Thị H (tự là H1). Nội dung trong biên bản ngày 15/9/1998 có kèm theo xin xác nhận vay vốn ngân hàng của ông Trọng với bà H. Nay theo đo đạc thực tế phần nhà và đất của ông Đào Văn Lũy có diện tích 164,6m^2 trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4 trở lại M1 thuộc thửa 110 tờ bản đồ số 61; phần nhà đất bà Đào Thị Ch đang sử dụng có diện tích 52,3m^2 trong phạm vi các mốc M3, M4, M5, M6 trở lại M3 thuộc một phần thửa 01, tờ bản đồ số 61. Ông L xác định đối với phần đất bà Đào Thị Ch sử dụng là đất của ông L mua phát mãi của Ngân hàng; ông L cho bà Ch cất nhà ở nên nay ông L không tranh chấp với bà Ch mà cho bà Ch tiếp tục ở trên đất, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông L có yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho ông L với tổng diện tích là 216,9m^2 (trong đó 164,6m^2 tại thuộc thửa 110 tờ bản đồ số 61 và diện tích 52,3m^2 thuộc một phần thửa 01, tờ bản đồ số 61). Đối với việc ông H và bà K ở giữ nhà và đất cho ông L thì ông L cũng không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết vì đất này của ông L nhờ ông H và bà K giữ nhà dùm.

Bị đơn là bà Đào Thị Ch trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của ông L, bà Ch cũng không đồng ý theo yêu cầu của bà H.

Bị đơn là ông Đào Văn H trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của ông L, ông H xác định đất đang tranh chấp là của ông L, ông chỉ là người giữ nhà dùm cho ông L nên ông cũng không đồng ý theo yêu cầu của bà H.

Bị Đơn bà Đào Thị K trình bày: Hiện nay bà ở trên nhà và đất của ông L. Bà H khởi kiện yêu cầu các ông bà di dời nhà để trả đất với tổng diện tích là 216,9m^2 thì bà không đồng ý vì nhà đất này của ông L mua của Ngân hàng và của bà H vào năm 1998; bà K chỉ ở giữ nhà dùm ông L, khi nào ông L về thì bà trả lại, không tranh chấp với ông L.

*Ông Phạm Thế D đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A - Chi nhánh thành phố H, tỉnh Đồng Tháp trình bà*y: bà Trần Thị H có vay vốn ngân hàng thế chấp tài sản gồm 02 bè gỗ nuôi cá, 01 căn nhà ở, loại nhà sàn gỗ, lợp ngói. Vào năm 1997 bà H vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng và Chi cục thi hành án dân sự huyện H đồng ý cho tự thỏa thuận tài sản để thu hồi nợ gồm 01 căn nhà ở, loại nhà sàn gỗ, lợp ngói, ngoài ra ngân hàng không xử lý tài sản khác. Hiện nay bà H đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên việc tranh chấp đất giữa bà H và ông L, bà Ch không liên quan đến Ngân hàng, Ngân hàng cũng không tranh chấp với các đương sự trong vụ án này, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023, Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đào Văn L:

Công nhận cho ông Đào Văn L được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích 216,9m^2 (trong đó diện tích 164,6m^2 trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4 trở lại M1, thuộc thửa 110 tờ bản đồ số 61 và diện tích 52,3m^2 trong phạm vi các mốc M3, M4, M5, M6 trở lại M3 thuộc một phần thửa 01, tờ bản đồ số 61, đất tọa lạc tại khóm A, phường A1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), đất chưa được cấp quyền sử dụng đất và hiện ông Đào Văn L đang quản lý, sử dụng.

Ông Đào Văn L được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký, kê khai để được cấp quyền sử dụng đất và có nghĩa vụ nộp các khoản thuế theo quy theo quy định.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/8/2020 và sơ đồ đo đạc ngày 10/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H, nay là Thành phố H)

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/10/2023, nguyên đơn bà Trần Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông Đào Văn L, bà Đào Thị Ch, bà Đào Thị K, ông Đào Văn H do bà Huỳnh Thị H1 đại diện đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị H làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào lời trình bày của bà Trần Thị H, xác nhận của đại diện Ngân hàng A – chi nhánh thị xã H (nay là thành phố H) và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định nguyên trước đây gia đình bà H sinh sống tại phần đất tranh chấp 216,9m^2, tọa lạc tại khóm A, phường A1, thành phố H. Năm 1997, bà H vay tiền Ngân hàng A – chi nhánh thị xã H và thế chấp cho Ngân hàng phần bè cá cùng căn nhà trên đất. Do không có tiền trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện H để giải quyết tranh chấp. Căn cứ vào biên bản hòa giải thành, Chi cục thi hành án huyện H đã tiến hành phát mãi tài sản của bà H là bè cá và căn nhà trên đất cho ông Đào Văn L để đảm bảo thi hành án.

Căn cứ vào Công văn số 1331/UBND-HC ngày 04/6/2021 của UBND Thành phố H đã xác định: Phần đất mà bà H đang có tranh chấp trước đây là đất trống nên bà H tự đến cất nhà ở vào khoảng năm 1980 và phần đất này do Nhà nước quản lý. Tại thời điểm bà H làm bè cá và xây dựng nhà trên và thế chấp Ngân hàng thì bà H không được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất đối với diện

tích đất này; đất do Nhà nước quán lý; bà H không tiến hành kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất với cơ quan có thẩm quyền. Vì vậy, không có căn cứ xác định đất tranh chấp có nguồn gốc của gia đình bà H.

Thực tế, từ sau khi bên bà H bị phát mãi tài sản để thi hành án thì gia đình bà H không còn sử dụng đối với phần đất tranh chấp này nữa. Đối với ông Đào Văn L, sau khi mua phát mãi tài sản trên đất thì tiếp tục quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất từ năm 1998 đến nay. Quá trình sử dụng, ông L nhiều lần sửa chữa, xây dựng mới phần nhà có trên đất, phía bà H không có ý kiến tranh chấp, khiếu nại.

Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của bà H về việc buộc ông L, bà Ch, ông H, bà K di dời nhà và tài sản trên đất để trả lại đất cho bà H là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị H không có căn cứ chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trần Thị H phải chịu. Tuy nhiên, bà H là người cao tuổi nên được miễn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Áp dụng: Điều 166 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đào Văn L.

Công nhận cho ông Đào Văn L được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích 216,9m^2 (trong đó diện tích 164,6m^2 trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4 trở lại M1, thuộc thửa 110 tờ bản đồ số 61 và diện tích 52,3m^2 trong phạm vi các mốc M3, M4, M5, M6 trở lại M3 thuộc một phần thửa 01, tờ bản đồ số 61, đất tọa lạc tại khóm A, phường A1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), đất chưa được cấp quyền sử dụng đất và hiện ông Đào Văn L đang quản lý, sử dụng.

Ông Đào Văn L được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký, kê khai để được cấp quyền sử dụng đất và có nghĩa vụ nộp các khoản thuế theo quy theo quy định.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/8/2020 và sơ đồ đo đạc ngày 10/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H, nay là Thành phố H)

2/. Về án phí dân sự, chi phí tố tụng sơ thẩm:

Bà Trần Thị H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đào Văn L được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Bà Trần Thị H phải chịu (số tiền này bà H đã nộp tạm ứng và đã chi xong).

3/. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị H được miễn.

4/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5/. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- ĐS (17);
- Lưu VP(5), HS(2). 29b.NTT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thanh Dũng